

Hướng dẫn dự thi Bài thi TOEFL Junior Standard



Bài thi thuộc **Hệ thống Bài thi TOEFL**
Khám phá tiềm năng. Mở rộng cơ hội toàn cầu.

Mục lục

Giới thiệu về bài thi <i>TOEFL Junior Standard</i>	2
Mục đích bài thi	2
Cấu trúc bài thi.....	2
Nội dung bài thi	2
Trước ngày thi	3
Hướng dẫn đăng ký thi <i>TOEFL Junior</i>	3
Thí sinh khuyết tật hoặc có nhu cầu y tế đặc biệt.....	3
Vào ngày thi	4
Giấy tờ tùy thân	4
Quy định tại điểm thi	4
Trong quá trình làm bài thi	4
Chuẩn bị cho bài thi	5
Chuẩn bị cho bài thi <i>TOEFL Junior</i>	5
Cách thức hoàn thiện phiếu trả lời	5
Phiếu trả lời.....	7
Phiếu trả lời mẫu.....	9
Câu hỏi mẫu.....	10
Nghe hiểu	10
Ngữ pháp và từ vựng.....	14
Đọc hiểu	17
Điểm và phiếu điểm	22
Phiếu điểm	22
Điểm số được chấp nhận.....	22
Diễn giải điểm số	22
Mức điểm tổng quát.....	23
Khung tham chiếu chung Châu Âu	23
Điểm Lexile	24
Mô tả năng lực của thí sinh thông qua điểm số	25
Nghe hiểu	25
Ngữ pháp và từ vựng.....	26
Đọc hiểu	27
Thông báo kết quả thi.....	28
Tính công bằng của bài thi và ứng dụng điểm số.....	28
Thời gian lưu giữ kết quả thi.....	28
Cách tính điểm bài thi	28
Những trường hợp bất thường.....	29
Tính hiệu lực của kết quả thi.....	29
Hướng dẫn sử dụng kết quả bài thi <i>TOEFL Junior</i>.....	30
Hướng dẫn	30
Ứng dụng kết quả bài thi <i>TOEFL Junior</i>	30
Phản hồi	30

Giới thiệu về bài thi TOEFL Junior Standard

Mục đích bài thi

Bài thi *TOEFL Junior* là thước đo khách quan và đáng tin cậy về kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của học sinh trung học cơ sở và học sinh đầu phổ thông. Trong khi bài thi TOEFL ở cấp độ đại học của ETS hiện đang là một trong những tiêu chuẩn đánh giá trình độ tiếng Anh trên toàn thế giới, bài thi *TOEFL Junior* lại có vai trò đo lường mức độ mà học sinh trung học cơ sở hoặc học sinh đầu trung học phổ thông đạt được đối với kỹ năng tiếng Anh học thuật (academic English) và tiếng Anh thường thức (social English) tiêu biểu cho môi trường giảng dạy bằng tiếng Anh.

Thông thường đối tượng của bài thi này là học sinh độ tuổi từ 11 đến 15. Tuy nhiên, bài thi vẫn có thể phù hợp cho học sinh ở độ tuổi khác. Việc quyết định về tính phù hợp của bài thi cần dựa trên khả năng tiếng Anh thực tế của học sinh. Đây là một bài kiểm tra trình độ tiếng Anh không dựa trên hay bị giới hạn bởi bất kỳ chương trình giảng dạy cụ thể nào.

Bài thi *TOEFL Junior*:

- Cung cấp cho phụ huynh, học sinh và giáo viên những thông tin khách quan về sự tiến bộ của học sinh trong việc phát triển các kỹ năng tiếng Anh theo thời gian.
- Phục vụ như một công cụ đo lường giúp hỗ trợ việc phân loại trình độ đầu vào của học sinh trong các chương trình đào tạo tiếng Anh.
- Đánh giá kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở giai đoạn đang phát triển của trẻ để chuẩn bị cho việc học tập, nghiên cứu bằng tiếng Anh trong tương lai.
- Cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ cho mục đích giảng dạy.

Bài thi *TOEFL Junior* KHÔNG:

- Dựa trên bất kỳ chương trình đào tạo cụ thể nào.
- Có liên kết trực tiếp đến kết quả bài thi *TOEFL iBT*.
- Dùng để dự đoán kết quả bài thi *TOEFL iBT*.
- Thay thế cho bài thi *TOEFL iBT*, *TOEFL PBT*, hoặc *TOEFL ITP*.

Cấu trúc bài thi

Bài thi *TOEFL Junior* là bài thi trên giấy bao gồm 126 câu hỏi trắc nghiệm, chia làm 3 phần — Nghe hiểu, Ngữ pháp và từ vựng, và Đọc hiểu.

Mỗi phần bao gồm 42 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 đáp án lựa chọn, tổng thời gian làm bài thi là 1 tiếng 55 phút.

Một số câu hỏi trong bài thi có thể không được tính vào điểm của phần thi đó hoặc tổng điểm. Đối với những câu hỏi được tính điểm, mỗi câu trả lời đúng đều được tính điểm ngang nhau.

Bảng dưới đây tóm tắt cấu trúc bài thi.

Phần	Số câu hỏi	Thời gian
Nghe hiểu	42	40 phút
Ngữ pháp và từ vựng	42	25 phút
Đọc hiểu	42	50 phút
Tổng	126	1 giờ 55 phút

Nội dung bài thi

Phần **Nghe hiểu** đánh giá khả năng nghe và hiểu tiếng Anh sử dụng trong cuộc sống thường nhật và trong môi trường học tập của thí sinh.

Phần **Ngữ pháp và từ vựng** đánh giá mức độ thông thạo của thí sinh đối với các kỹ năng tiếng Anh quan trọng như ngữ pháp và từ vựng sử dụng trong ngữ cảnh cụ thể.

Phần **Đọc hiểu** đánh giá khả năng đọc và hiểu các văn bản học thuật và phi học thuật bằng tiếng Anh.

Trước ngày thi

Hướng dẫn đăng ký thi *TOEFL Junior*

Bài thi *TOEFL Junior* hiện có mặt trên toàn thế giới. Bài thi có thể được tổ chức tại một số cơ sở giáo dục nơi yêu cầu học sinh thi bài thi *TOEFL Junior*. Nếu cơ sở giáo dục nơi học sinh đang theo học không cung cấp bài thi, phụ huynh cũng có thể liên hệ IIG Việt Nam để tìm hiểu về thời gian và địa điểm tổ chức thi cụ thể.

Lệ phí thi *TOEFL Junior* khác nhau theo từng quốc gia trên thế giới. Để biết lệ phí chính xác tại Việt Nam, vui lòng liên hệ với IIG Việt Nam.

Thí sinh khuyết tật hoặc có nhu cầu y tế đặc biệt

IIG Việt Nam cam kết hỗ trợ cho thí sinh khuyết tật hoặc có nhu cầu y tế đặc biệt. Thí sinh vui lòng liên hệ với các văn phòng của IIG Việt Nam để thảo luận về yêu cầu của mình trước ngày thi ít nhất 2 tuần.

Hỗ trợ đặc biệt có thể bao gồm: kéo dài thời gian thi, thêm giờ nghỉ, in ấn cỡ lớn, hoặc các trợ giúp khác mà thí sinh cần. Tất cả yêu cầu về những hỗ trợ đặc biệt này cần phải được chấp thuận theo chính sách và quy trình của ETS có trên trang web www.ets.org/disabilities.

Vào ngày thi

Giấy tờ tùy thân

Vào ngày thi thí sinh phải cung cấp giấy tờ tùy thân, bao gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Hộ chiếu
- Căn cước công dân
- Căn cước
- Bản sao giấy khai sinh
- Thẻ học sinh

Quy định tại địa điểm thi

IIG Việt Nam sẽ thông báo đến thí sinh thời gian và địa điểm thi. Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng giờ. Vị trí ngồi tại phòng thi sẽ được sắp xếp bởi giám thị. Thí sinh không được phép thay đổi chỗ ngồi. Thí sinh cần mang theo giấy tờ tùy thân hợp lệ.

Tại phòng thi, thí sinh sẽ được cung cấp:

- Bút chì
- Phiếu trả lời
- Giấy nháp

Vật dụng sau không được phép mang vào phòng thi:

- Ba lô, túi, hoặc cặp đựng tài liệu
- Sách, tờ rơi, hoặc tờ diễn
- Đồng hồ máy tính hoặc đồng hồ báo thức (đặc biệt là loại có đèn nhấp nháy hoặc chuông báo)
- Máy tính
- Điện thoại di động, điện thoại thông minh, hoặc đồng hồ thông minh
- Thức ăn hoặc đồ uống, nếu không được chấp thuận đối với trường hợp đặc biệt (thí sinh khuyết tật hoặc có nhu cầu y tế)
- Mũ hoặc các loại đội đầu (trừ trường hợp yêu cầu tôn giáo)
- Bút dạ quang hoặc bút máy các loại
- Thiết bị nghe, máy thu phát cá nhân, radio có tai nghe, hoặc máy thu âm
- Các thiết bị điện tử (máy tính xách tay, thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số, v.v.)
- Các loại giấy tờ (giấy nháp sẽ được cung cấp trong phòng thi)
- Thiết bị sao chép, scan, ghi âm hoặc chụp ảnh
- Thiết bị truyền và nhận

Để duy trì môi trường thi nghiêm túc, thí sinh không được:

- Đề nghị hay nhận bất kỳ trợ giúp nào
- Sử dụng thiết bị hỗ trợ bị cấm
- Làm phiên thí sinh khác
- Xem đề thi trước khi tính giờ làm bài
- Xem bài thi của thí sinh khác
- Xé hoặc cố tình làm rách cuốn đề
- Mang giấy nháp ra khỏi phòng thi
- Tiếp tục làm bài sau khi được thông báo hết thời gian hoặc không tuân thủ bất kỳ quy định nào khác trong phòng thi

Nếu thí sinh không tuân thủ các quy định này, thí sinh có thể được yêu cầu rời khỏi phòng thi, và kết quả bài thi của thí sinh sẽ bị hủy. IIG Việt Nam có quyền yêu cầu ETS không chấm điểm phiếu trả lời của thí sinh nếu thí sinh không làm theo hướng dẫn hoặc nếu giám thị nghi ngờ rằng học sinh đó gian lận. Thí sinh đó sẽ không được nhận phiếu điểm và không được hoàn trả lại lệ phí thi.

Trong quá trình giám sát thi nếu hành vi vi phạm của cá nhân hoặc cả hội đồng thi chưa được phát hiện kịp thời, sau khi kỳ thi kết thúc, nếu phát hiện sai phạm, Hội đồng Giám sát của IIG Việt Nam có quyền đơn phương hủy bỏ kết quả bài thi của cá nhân hoặc tập thể vi phạm.

Trong quá trình làm bài thi

Mỗi phần của bài thi có giới hạn thời gian làm bài, bắt đầu và kết thúc theo hiệu lệnh của giám thị. Trong từng phần thi, thí sinh chỉ được phép làm bài của phần thi đó. Nếu hoàn thành phần Đọc hiểu sớm, thí sinh sẽ không được chuyển sang phần Nghe hiểu. Và ngược lại thí sinh cũng không được làm phần Đọc hiểu trong thời gian diễn ra phần Nghe hiểu. Nếu phát hiện thí sinh có những hành vi nêu trên thì hành vi đó sẽ được coi là gian lận, kết quả thi của thí sinh sẽ bị hủy.

Trong quá trình làm bài, thí sinh nên làm bài nhanh nhưng cẩn thận. Không dành quá nhiều thời gian cho một câu, nhưng cần cố gắng trả lời hết tất cả các câu. Một số câu hỏi sẽ khó hơn so với những câu khác. Kết quả của bài thi dựa trên số câu trả lời đúng, vì vậy thí sinh nên cố gắng hoàn thành tất cả các câu hỏi dù không chắc chắn câu trả lời.

Chuẩn bị cho bài thi

Chuẩn bị cho bài thi *TOEFL Junior*

Bài thi *TOEFL Junior* không đánh giá "đỗ/trượt". Học sinh không được kỳ vọng trả lời chính xác tất cả các câu hỏi. Bài thi được thiết kế như một công cụ đánh giá sự tiến bộ của học sinh theo thời gian.

Học sinh học tiếng Anh thường xuyên có thể sẽ thấy được sự tiến bộ thông qua điểm số bài thi nếu dự thi *TOEFL Junior* 6 tháng một lần.

Để chuẩn bị cho bài thi *TOEFL Junior* cũng như nâng cao trình độ tiếng Anh của bản thân, học sinh nên:

- Làm quen với cấu trúc bài thi và cách tô đáp án trên phiếu trả lời. Như vậy, thí sinh có thể tập trung vào làm bài.
- Đọc kỹ hướng dẫn làm bài và Phiếu trả lời bao gồm cả các câu hỏi trong Phiếu trả lời (phần 6-12), và Câu hỏi mẫu ở trang 11-22.
- Sử dụng tiếng Anh càng thường xuyên càng tốt và theo nhiều cách nhất có thể. Đọc sách, xem TV và video, nghe bản ghi âm, tham gia một khóa học tiếng Anh, nói chuyện với người khác bằng tiếng Anh là một trong số cách để thực hành tiếng Anh hiệu quả.
- Truy cập vào trang web *TOEFL Junior* để tham khảo nguồn tài liệu bổ sung giúp học sinh làm quen với bài thi.

Cách thức hoàn thiện phiếu trả lời

Trước khi làm bài thi, thí sinh sẽ nhận một phiếu trả lời như mẫu ở trang 7. Thí sinh cần điền các thông tin trong phiếu một cách cẩn thận.

Phiếu trả lời gồm 3 phần:

Thông tin cá nhân – Phần này bao gồm thông tin về thí sinh, như tên, số báo danh, ngày sinh, quốc gia và ngôn ngữ bản địa.

Tên của thí sinh phải thống nhất trong tất cả các kì thi *TOEFL Junior* mà thí sinh tham gia. Thí sinh cũng sẽ được yêu cầu điền tên trung tâm khảo thí, mã đề và các mã số khác theo chỉ dẫn trực tiếp của giám thị.

Các câu hỏi về thông tin liên quan – Những câu hỏi này nằm ở góc dưới bên phải của Phiếu trả lời nhằm mục đích thống kê số liệu và thí sinh nên trả lời tốt nhất trong khả năng của mình.

- Hiện tại bạn đang học lớp mấy?
- Bạn đã thi bài thi *TOEFL Junior* bao nhiêu lần?
- Bao gồm cả năm nay, bạn đã học tiếng Anh được bao nhiêu năm tại trường học?
- Mỗi tuần bạn học bao nhiêu giờ tiếng Anh ở trường?
- Mỗi tuần bạn học bao nhiêu giờ tiếng Anh ngoài thời gian học tại trường?
- Bạn đã từng sinh sống tại đất nước nói tiếng Anh nào chưa?

Trả lời câu hỏi – Nằm ở trang 2 của Phiếu trả lời. Đây là nơi ghi nhận câu trả lời của thí sinh đối với các câu hỏi trong bài thi.

Phiếu trả lời của thí sinh sẽ được chấm tự động bằng máy. Máy chấm điểm chỉ có thể ghi nhận một đáp án trong mỗi câu hỏi. Quá trình chấm điểm bằng máy trải qua một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, thường xuyên, bao gồm cả bước chấm xác suất bằng tay. Tất cả nỗ lực trên nhằm đảm bảo sự chính xác của kết quả bài thi. Tuy nhiên, thí sinh phải có trách nhiệm trả lời trên phiếu theo đúng hướng dẫn.

Chuẩn bị cho bài thi (tiếp)

Thực hiện theo hướng dẫn sau đây:

- Thí sinh không được sử dụng các loại bút khác như bút mực, bút bi để trả lời vì các loại bút này có thể làm rách phiếu trả lời hoặc gây ra lỗi khi chấm điểm bằng máy.
- Chú ý tô đáp án trong phiếu trả lời tương ứng với câu hỏi trong đề thi. Thí sinh không được phép thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào sau khi hết thời gian làm bài.
- Mỗi câu hỏi chỉ chọn duy nhất một đáp án.
- Tô đậm câu trả lời cho đến khi thí sinh không còn nhìn thấy chữ cái bên trong. Máy chấm điểm có thể không ghi nhận đáp án nếu đáp án được tô quá nhạt hoặc không trọn vẹn.
- Tẩy sạch hoàn toàn những chỗ bị lem ra ngoài hoặc câu trả lời cũ.

Ví dụ sau đây chỉ ra cách tô chính xác và vài cách tô sai trong phiếu trả lời. Hãy đảm bảo là bạn tô theo cách chính xác khi làm bài thi:

Chính xác	Không chính xác				
CORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT

Xem Phiếu trả lời ở trang 7 và đọc ví dụ Phiếu trả lời của của bạn Tomiko Saito dưới đây:

EXAMPLE: PART OF TOMIKO SAITO'S ANSWER SHEET

① **NAME:** Print your name as you entered it in the first 20 boxes on your admission form. Using one box for each letter, first print your family name (surname), then your first (given) name, and then your middle name. Leave one box blank between names. Then, below each box, use a No. 2 (H.B.) pencil and fill in the circle containing the same letter.

SAITO TOMIKO C

② **STUDENT NUMBER**
(if assigned)
Short here

0101235

③ **DATE OF BIRTH**

MO	DAY	YEAR
0	2	8
2	8	5

④ **NATIVE COUNTRY CODE**

300

⑤ **NATIVE LANGUAGE CODE**

331

① Trong phần 1 (TÊN), Tomiko Saito điền tên mình vào các ô. Bạn điền theo thứ tự như sau: họ (SAITO), một khoảng trống, tên (TOMIKO), một khoảng trống, chữ cái đầu tiên của tên đệm (C). Dưới mỗi ô, bạn tô vào chữ cái tương ứng với chữ cái điền trong ô đó.

② Trong phần 2 (SỐ BÁO DANH), bạn điền số báo danh được cấp bởi đơn vị tổ chức thi và tô các số tương ứng dưới mỗi ô. (Trong trường hợp không được cấp số báo danh, bạn sẽ để trống phần này)

③ Trong phần 3 (NGÀY SINH), bạn điền ngày sinh của mình và tô các số tương ứng dưới mỗi ô.

④ Trong phần 4 (MÃ QUỐC GIA), bạn điền mã được cung cấp bởi Giám thị và tô và các số tương ứng dưới mỗi ô.

⑤ Trong phần 5 (MÃ NGÔN NGỮ BẢN ĐỊA), bạn điền mã được cung cấp bởi Giám thị và tô vào các số tương ứng dưới mỗi ô.

Tiếp theo, thực hành trên mẫu phiếu trả lời ở trang 7. Khi làm bài thi, thí sinh sẽ tô câu trả lời của mình trên phiếu trả lời. Mỗi hàng có bốn vòng tròn tương ứng với bốn lựa chọn cho câu hỏi đó, chỉ có một trong số những lựa chọn đó là câu trả lời chính xác.

CORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT
(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)	(A) (B) (C) (D)

Form Code:

Consent Form is on file: ☐ Yes ☐ No

6	CODE SETS (if assigned)
---	-------------------------

A large grid of letters, primarily 'A's and 'S's, with the word 'SAM' highlighted in blue. The letters are arranged in a grid where 'A's are in the odd-numbered columns and 'S's are in the even-numbered columns. The word 'SAM' is written in large, blue, outlined capital letters across the middle of the grid. The 'S' is in the 4th column, the 'A' is in the 6th column, and the 'M' is in the 8th column. The letters are all in a light blue color.

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

0	0	0	0	0
1	1	1	1	1
2	2	2	2	2
3	3	3	3	3
4	4	4	4	4
5	5	5	5	5
6	6	6	6	6
7	7	7	7	7
8	8	8	8	8
9	9	9	9	9

7. GENDER

FEMALE

MALE

8. WHAT IS YOUR CURRENT GRADE LEVEL?

☐ Elementary School
☐ Middle School — 1st Year
☐ Middle School — 2nd Year
☐ Middle School — 3rd Year
☐ High School
☐ Other

9. HOW MANY TIMES HAVE YOU TAKEN THE TOEFL JUNIOR TEST IN THE PAST?

☐ None
☐ Once
☐ Twice
☐ Three or more times

10. INCLUDING THIS YEAR, HOW MANY YEARS HAVE YOU BEEN STUDYING ENGLISH AT A SCHOOL?

☐ 1-2 ☐ 6-8
☐ 3-5 ☐ 9 or more

11. HOW MANY HOURS PER WEEK DO YOU STUDY ENGLISH IN YOUR REGULAR SCHOOL?

☐ 1-2 ☐ 6-8
☐ 3-5 ☐ 9 or more

12. HOW MANY HOURS PER WEEK DO YOU STUDY ENGLISH OUTSIDE OF YOUR REGULAR SCHOOL?

☐ 0
 ☐ 4-6
☐ 1-3
 ☐ 7 or more

13. HAVE YOU LIVED IN AN ENGLISH SPEAKING COUNTRY?

☐ No

☐ Yes, I stayed less than 3 months

☐ Yes, I stayed between 3 months and 12 months

☐ Yes, I stayed over 1 year

2. **STUDENT NUMBER**
Start here

[illegible]

3. DATE OF BIRTH

YYYY				MM		DD	
2	0	0	7	0	1	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1	1	1
2	2	2	2		2	2	2
	3	3	3		3	3	3
	4	4	4		4		4
	5	5	5		5		5
	6	6	6		6		6
	7	7	7		7		7
	8	8	8		8		8
	9	9	9		9		9





EXAMPLE				
CORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT	INCORRECT
A B ● D	A B ✓ D	A B ✗ D	A B ● D	A B ● D

LISTENING COMPREHENSION				
SAMPLES A A B C D B A B C D				
1 A B C D	7 A B C D	16 A B C D	25 A B C D	34 A B C D
2 A B C D	8 A B C D	17 A B C D	26 A B C D	35 A B C D
3 A B C D	9 A B C D	18 A B C D	27 A B C D	36 A B C D
4 A B C D	10 A B C D	19 A B C D	28 A B C D	37 A B C D
5 A B C D	11 A B C D	20 A B C D	29 A B C D	38 A B C D
6 A B C D	12 A B C D	21 A B C D	30 A B C D	39 A B C D
	13 A B C D	22 A B C D	31 A B C D	40 A B C D
	14 A B C D	23 A B C D	32 A B C D	41 A B C D
	15 A B C D	24 A B C D	33 A B C D	42 A B C D

LANGUAGE FORM AND MEANING				
SAMPLES A A B C D B A B C D				
1 A B C D	7 A B C D	16 A B C D	25 A B C D	34 A B C D
2 A B C D	8 A B C D	17 A B C D	26 A B C D	35 A B C D
3 A B C D	9 A B C D	18 A B C D	27 A B C D	36 A B C D
4 A B C D	10 A B C D	19 A B C D	28 A B C D	37 A B C D
5 A B C D	11 A B C D	20 A B C D	29 A B C D	38 A B C D
6 A B C D	12 A B C D	21 A B C D	30 A B C D	39 A B C D
	13 A B C D	22 A B C D	31 A B C D	40 A B C D
	14 A B C D	23 A B C D	32 A B C D	41 A B C D
	15 A B C D	24 A B C D	33 A B C D	42 A B C D

READING COMPREHENSION				
SAMPLES A A B C D B A B C D				
1 A B C D	7 A B C D	16 A B C D	25 A B C D	34 A B C D
2 A B C D	8 A B C D	17 A B C D	26 A B C D	35 A B C D
3 A B C D	9 A B C D	18 A B C D	27 A B C D	36 A B C D
4 A B C D	10 A B C D	19 A B C D	28 A B C D	37 A B C D
5 A B C D	11 A B C D	20 A B C D	29 A B C D	38 A B C D
6 A B C D	12 A B C D	21 A B C D	30 A B C D	39 A B C D
	13 A B C D	22 A B C D	31 A B C D	40 A B C D
	14 A B C D	23 A B C D	32 A B C D	41 A B C D
	15 A B C D	24 A B C D	33 A B C D	42 A B C D

Phiếu trả lời câu hỏi mẫu

Thí sinh thực hành trả lời câu hỏi mẫu trên phiếu trả lời dưới đây:

Listening Comprehension

- 1 A B C D
- 2 A B C D
- 3 A B C D
- 4 A B C D
- 5 A B C D
- 6 A B C D
- 7 A B C D
- 8 A B C D
- 9 A B C D
- 10 A B C D

Language Form and Meaning

- 1 A B C D
- 2 A B C D
- 3 A B C D
- 4 A B C D
- 5 A B C D
- 6 A B C D
- 7 A B C D
- 8 A B C D
- 9 A B C D
- 10 A B C D

Reading Comprehension

- 1 A B C (D)
- 2 A B C (D)
- 3 A B C (D)
- 4 A B C (D)
- 5 A B C (D)
- 6 A B C (D)
- 7 A B C (D)
- 8 A B C (D)
- 9 A B C (D)
- 10 A B C (D)
- 11 A B C (D)
- 12 A B C (D)
- 13 A B C (D)
- 14 A B C (D)
- 15 A B C (D)
- 16 A B C (D)
- 17 A B C (D)
- 18 A B C (D)
- 19 A B C (D)
- 20 A B C (D)

Tear here to detach

Câu hỏi mẫu

Phần Nghe hiểu

Phần thi Nghe hiểu kiểm tra khả năng nghe những đoạn tiếng Anh giao tiếp thường nhật và học thuật. Phần thi có 42 câu hỏi.

Thí sinh được yêu cầu trả lời câu hỏi về các cuộc hội thoại và trò chuyện bằng tiếng Anh phát trong đoạn CD ghi âm. Thời gian làm bài thi cho phần này là khoảng 40 phút.

Dạng bài nghe đầu tiên là cuộc trò chuyện giữa một giáo viên hoặc cán bộ nhà trường với học sinh. Sau mỗi cuộc trò chuyện sẽ là một câu hỏi. Thí sinh được yêu cầu chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi và tô đáp án tương ứng trên phiếu trả lời. Thí sinh chỉ được nghe một lần duy nhất.

Dưới đây là hai câu hỏi mẫu. Thí sinh có thể truy cập đường dẫn sau để nghe CD ghi âm: http://www.ets.org/toefl_junior/prepare/standard_sample_questions/listening_comprehension.

Bài mẫu A

Thí sinh sẽ nghe thấy:

(Narrator): Listen to a high school principal talking to the school's students.

(Man): I have a very special announcement to make. This year, not just one, but three of our students will be receiving national awards for their academic achievements. Krista Conner, Martin Chan, and Shriya Patel have all been chosen for their hard work and consistently high marks. It is very unusual for one school to have so many students receive this award in a single year.

(Narrator): What is the subject of the announcement?

Thí sinh sẽ nhìn thấy trong đề thi:

1. What is the subject of the announcement?

- (A) The school will be adding new classes.
- (B) Three new teachers will be working at the school.
- (C) Some students have received an award.
- (D) The school is getting its own newspaper.

Bài mẫu B

Thí sinh sẽ nghe thấy:

(Narrator): Listen to a teacher making an announcement at the end of the day.

(Man): Remember that a team of painters is coming in tomorrow to paint the walls. In this box on my desk are sheets of plastic that I want you to slip over your desks. Make sure you cover your desks completely so that no paint gets on them. Everything will be finished and the plastic will be removed by the time we return on Monday.

(Narrator): What does the teacher want the students to do?

Thí sinh sẽ nhìn thấy trong đề thi:

2. What does the teacher want the students to do?

- (A) Take everything out of their desks
- (B) Put the painting supplies in plastic bags
- (C) Bring paints with them to school on Monday
- (D) Put covers on their desks to keep the paint off

Câu hỏi mẫu (tiếp)

Dạng bài nghe thứ hai bao gồm các cuộc hội thoại ngắn. Sau mỗi một cuộc hội thoại sẽ có 3 câu hỏi hoặc nhiều hơn. Thí sinh sẽ được yêu cầu chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi và tô vào đáp án tương ứng trên phiếu trả lời. Thí sinh chỉ được nghe một lần duy nhất.

Bài mẫu A

(Narrator): Listen to a conversation between two friends at school.

(Boy): Hi, Lisa.

(Girl): Hi, Jeff. Hey, have you been to the art room today?

(Boy): No, why?

(Girl): Well, Mr. Jennings hung up a notice about a big project that's going on downtown. You know how the city's been doing a lot of work to fix up Main Street you know, to make it look nicer? Well, they're going to create a mural.

(Boy): You mean, like, make a painting on the entire wall of a building?

(Girl): Exactly!

(Boy): But where?

(Girl): It's that big wall on the side of the public library. And students from this school are going to do the whole thing ... create a design, and paint it, and everything. I wish I could be a part of it, but I'm too busy.

(Boy): Cool! I'd love to help design a mural. Imagine everyone in town walking past that wall and seeing my artwork, every day.

(Girl): I thought you'd be interested. They want the mural to be about nature, so I guess all the design ideas students come up with should have a nature theme.

(Boy): That makes sense - they've been planting so many trees and plants along the streets and in the park.

(Girl): If you're interested you should talk with Mr. Jennings.

(Boy): This could be so much fun. Maybe I'll try to visit the zoo this weekend ... you know, to see the wild animals and get some ideas, something to inspire me!

(Girl): Well maybe you should go to the art room first to get more information from Mr. Jennings.

(Boy): Oh yeah. Good idea. Thanks for letting me know, Lisa! I'll go there right away.

(Narrator): Now answer the questions.

Câu hỏi mẫu (tiếp)

Thí sinh sẽ nhìn thấy trong đề thi:

3. What are the speakers mainly discussing?

- (A) A new art project in the city
- (B) An assignment for their art class
- (C) An art display inside the public library
- (D) A painting that the girl saw downtown

4. Why is the boy excited?

- (A) A famous artist is going to visit his class.
- (B) His artwork might be seen by many people.
- (C) His class might visit an art museum.
- (D) He is getting a good grade in his art class.

5. Where does the boy say he may go this weekend?

- (A) To the zoo
- (B) To an art store
- (C) To Main Street
- (D) To the public library

6. Why does the girl suggest that the boy go to the art room?

- (A) So that he can hand in his homework
- (B) So that he can sign up for a class trip
- (C) So that he can see a new painting
- (D) So that he can talk to the teacher

Dạng câu hỏi thứ ba sẽ là cuộc trò chuyện hoặc thảo luận về các chủ đề học thuật. Sau mỗi cuộc trò chuyện hay thảo luận sẽ có bốn câu hỏi hoặc nhiều hơn. Thí sinh sẽ được yêu cầu chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời. Thí sinh chỉ được nghe một lần duy nhất.

Xem ví dụ sau đây:

Bài mẫu B

(Narrator): Listen to a teacher talking in a biology class.

(Woman): We've talked before about how ants live and work together in huge communities. Well, one particular kind of ant community also grows its own food. So you could say these ants are like people—like farmers. And what do these ants grow? They grow fungi [FUN-guy]. Fungi are kind of like plants—mushrooms are a kind of fungi. These ants have gardens, you could say, in their underground nests. This is where the fungi are grown.

Now, this particular kind of ant is called a leafcutter ant. Because of their name, people often think that leafcutter ants eat leaves. If they cut up leaves they must eat them, right? Well, they don't! They actually use the leaves as a kind of fertilizer. Leafcutter ants go out of their nests looking for leaves from plants or trees. They cut the leaves off and carry them underground ... and then feed the leaves to the fungi—the fungi are able to absorb nutrients from the leaves. What the ants eat are the fungi that they grow. In that way, they are like farmers!

The amazing thing about these ants is that the leaves they get are often larger and heavier than the ants themselves. If a leaf is too large, leafcutter ants will often cut it up into smaller pieces—but not all the time. Some ants carry whole leaves back into the nest. In fact, some experiments have been done to measure the heaviest leaf a leafcutter ant can lift without cutting it. It turns out, it depends on the individual ant. Some are stronger than others. The experiments showed that some “super ants” can lift leaves about 100 times the weight of their body!

(Narrator): Now answer the questions.

Câu hỏi mẫu (tiếp)

7. What is the main topic of the talk?

 - (A) A newly discovered type of ant
 - (B) A type of ant with unusual skills
 - (C) An increase in the population of one type of ant
 - (D) A type of ant that could be dangerous to humans
8. According to the teacher, what is one activity that both leafcutter ants and people do?

 - (A) Clean their food
 - (B) Grow their own food
 - (C) Eat several times a day
 - (D) Feed their young special food
9. What does the teacher say many people think must be true about leafcutter ants?

 - (A) They eat leaves.
 - (B) They live in plants.
 - (C) They have sharp teeth.
 - (D) They are especially large.
10. What did the experiments show about leafcutter ants?

 - (A) How fast they grow
 - (B) Which plants they eat
 - (C) Where they look for leaves
 - (D) How much weight they can carry

Đáp án phần nghe hiểu	
1. C	6. D
2. D	7. B
3. A	8. B
4. B	9. A
5. A	10. D

Câu hỏi mẫu (tiếp)

Phần Ngữ pháp và từ vựng

Phần Ngữ pháp và từ vựng đánh giá mức độ thông thạo của thí sinh đối với các kỹ năng tiếng Anh quan trọng như ngữ pháp và từ vựng sử dụng trong ngữ cảnh cụ thể. Phần này bao gồm 42 câu hỏi. Trong mỗi câu hỏi sẽ có một ô chứa bốn lựa chọn khác nhau. Thí sinh sẽ được yêu cầu chọn đáp án chính xác nhất để hoàn thành câu hỏi thoại. Thời gian làm bài cho phần này là 25 phút.

Dưới đây là câu hỏi mẫu phần Ngữ pháp và từ vựng.

Questions 1-4 refer to the following e-mail.

Hi, Linda!

Thanks for your last email! I know you like art, just like I do, so I wanted

1.

(A) tell
(B) told
(C) to tell
(D) telling

 you about the special trip my class went on last week. We took

2. a bus into the city and spent two hours at the art museum,

(A) if there was
(B) that there was
(C) which we had
(D) where we had

our own tour guide. The guide told us about the different artists and gave us the

3. history of some of the paintings.

(A) When
(B) Rather
(C) During
(D) Whether

 I have more time, I will send you another email with some

of the photos I took that day. I took a lot of them!

4. If your family comes to

(A) ask
(B) visit
(C) look
(D) return

 us this year, we can go to the art museum together.

Your cousin, Samantha

Câu hỏi mẫu (tiếp)

Questions 5-10 refer to the following magazine article.

5. Located in central Africa,

- (A) Lake Victoria is
- (B) and Lake Victoria is
- (C) Lake Victoria's being
- (D) although Lake Victoria is

a very unusual

6. lake.

- (A) It not only one is
- (B) Is it one not only
- (C) One is it only not
- (D) Not only is it one

of the largest lakes in the world; it is also

one of the youngest. Estimated to be about 15,000 years old, it is a relative

7. baby compared with Earth's other very large lakes ,

- (A) are
- (B) they are
- (C) which being
- (D) which can be

more than two million years old. Yet judging by the variety of life in it,

8. Lake Victoria

- (A) resembles
- (B) portrays
- (C) views
- (D) likes

a much older body of water. Usually, lakes

9. need a much longer time

- (A) is populated
- (B) they are populated
- (C) to become populated
- (D) becoming populating

by a diverse array of

10. life-forms.

- (A) Is
- (B) It is
- (C) Being
- (D) Because it is

common for new lakes to contain only a

Câu hỏi mẫu (tiếp)

11. small number of species. Lake Victoria, however, is

- (A) opened
- (B) packed
- (C) satisfied
- (D) purchased

with

12. colorful fish, most notably, cichlids. There are

- (A) many
- (B) as many
- (C) too many
- (D) as many as

500 different species of just this one

type of fish.

Đáp án phần Ngữ pháp và từ vựng	
1. C	7. D
2. D	8. A
3. A	9. C
4. B	10. B
5. A	11. B
6. D	12. D

Câu hỏi mẫu (tiếp)

Phần Đọc hiểu

Phần Đọc hiểu đánh giá trình độ đọc và hiểu các văn bản học thuật và phi học thuật bằng tiếng Anh của thí sinh. Phần Đọc hiểu có 42 câu hỏi và thời gian làm bài là 50 phút.

Sau khi đọc xong mỗi đoạn văn, thí sinh sẽ đọc những câu hỏi về đoạn văn đó, mỗi câu hỏi sẽ có bốn lựa chọn đáp án khác nhau. Thí sinh sẽ chọn đáp án chính xác nhất.

Dưới đây là đoạn văn và câu hỏi mẫu phần Đọc hiểu.

Questions 1-4 are about the following announcement.

Student Volunteers Needed!

On Saturday, December 12th, from 10 A.M. until 4 P.M., Carverton Middle School will be holding a music festival in the school gymnasium. The special event will feature a variety of professional musicians and singers.

We are looking for Carverton students to help with the jobs listed below.

Task	Time	Date
Make posters	1 P.M.–4 P.M.	December 5th
Set up gym	11 A.M.–4 P.M.	December 11th
Help performers	9 A.M.–4 P.M.	December 12th
Welcome guests	10 A.M.–2 P.M.	December 12th
Clean up gym	4 P.M.–7 P.M.	December 12th

Interested students should speak with Ms. Braxton, the music teacher. Students who would like to help at the festival must have written permission from a parent or guardian.

1. What time will the festival begin?

(A) 10 a.m.
(B) 11 a.m.
(C) 1 p.m.
(D) 2 p.m.
2. In line 3, the word **feature** is closest in meaning to _____.

(A) look
(B) keep
(C) include
(D) entertain
3. What job will be done the day before the festival begins?

(A) Making posters
(B) Setting up the gym
(C) Cleaning up the gym
(D) Helping the performers
4. Who is told to talk to Ms. Braxton?

(A) Parents
(B) Students
(C) Teachers
(D) Performers

Questions 5-11 are about the following story.

- Line “Did you see that?” Joe said to his friend Bill. “You’re a great shooter!”
Bill caught the basketball and bounced it before throwing it again. The ball flew into the net.
“Bill, you never miss!” Joe said admiringly.
- 5 “Unless I’m in a real game,” Bill complained. “Then I miss all the time.”
Joe knew that Bill was right. Bill performed much better when he was having fun with Joe in the school yard than he did when he was playing for the school team in front of a large crowd.
“Maybe you just need to practice more,” Joe suggested.
- 10 “But I practice all the time with you!” Bill objected. He shook his head. “I just can’t play well when people are watching me.”
“You play well when I’m watching,” Joe pointed out.
“That’s because I’ve known you since we were five years old,” Bill said with a smile. “I’m just not comfortable playing when other people are around.”
- 15 Joe nodded and understood, but he also had an idea.
The next day Joe and Bill met in the school yard again to practice. After a few minutes, Joe excused himself.
“Practice without me,” Joe said to his friend. “I’ll be back in a minute.”
Joe hurried through the school building, gathering together whomever he could find —two students, a
- 20 math teacher, two secretaries, and a janitor. When
Joe explained why he needed them, everyone was
happy to help.
Joe reminded the group to stay quiet as they all went
toward the school’s basketball court. As Joe
- 25 had hoped, Bill was still practicing basketball. He
made five baskets in a row without noticing the silent
people standing behind him.
“Hey, Bill!” Joe called out finally.
Bill turned. A look of surprise came over his
- 30 face.
“I just wanted to show you that you could play well
with people watching you,” Joe said. “Now you’ll have
nothing to worry about for the next game!”



Câu hỏi mẫu (tiếp)

5. What would be the best title for the story?

- (A) Joe Joins the Team
- (B) Practice Makes Perfect
- (C) Bill Wins the Big Game
- (D) Bill's Basketball Problem

6. In line 6, the word performed is closest in meaning to _____

- (A) acted
- (B) played
- (C) moved
- (D) changed

7. Why is Bill upset?

- (A) He plays better in practice than he does during games.
- (B) The schoolyard is not a good place to practice.
- (C) Joe watches him too closely when he plays.
- (D) His team loses too many games.

8. Why does Bill play well when Joe is watching him?

- (A) He is comfortable with Joe.
- (B) Joe tells him how to play better.
- (C) He does not know that Joe is there.
- (D) He wants to prove to Joe that he is a good player.

9. Why does Joe decide to gather a group of people?

- (A) Because he wants more players for his team
- (B) Because he wants to help Bill feel less nervous
- (C) Because he wants to show them his talent
- (D) Because he wants more people to see the next game

10. At the end of the story, all of the following people watch Bill practice EXCEPT _____.

- (A) Joe
- (B) a janitor
- (C) a math teacher
- (D) the basketball coach

11. Why does the group have to be quiet when they go to the basketball court?

- (A) Because Joe is telling Bill what to do
- (B) Because they do not want Bill to know they were there
- (C) Because Bill likes to practice alone
- (D) Because the group needs to listen to Joe's instructions

Questions 12-20 are about the following passage.

Line When another old cave is discovered in the south of France, it is not usually news.

Rather, it is an ordinary event. Such discoveries are so frequent these days that hardly anybody pays heed to them. However, when the Lascaux cave complex was discovered in 1940,

5 the world was amazed. Painted directly on its walls were hundreds of scenes showing how people lived thousands of years ago. The scenes show people hunting animals, such as bison or wild cats. Other images depict birds and, most noticeably, horses, which appear in more than
10 300 wall images, by far outnumbering all other animals.

Early artists drawing these animals accomplished a monumental and difficult task. They did not limit themselves to the easily accessible walls but carried their painting materials to spaces that required climbing
15 steep walls or crawling into narrow passages in the Lascaux complex.

Unfortunately, the paintings have been exposed to the destructive action of water and temperature changes, which easily wear the images away. Because the Lascaux caves have
20 many entrances, air movement has also damaged the images inside.

Although they are not out in the open air, where natural light would have destroyed them long ago, many of the images have deteriorated and are barely recognizable. To prevent further damage, the site was closed to tourists in 1963, 23 years after it was discovered.



Câu hỏi mẫu (tiếp)

12. Which title best summarizes the main idea of the passage?

(A) Wild Animals in Art
(B) Hidden Prehistoric Paintings
(C) Exploring Caves Respectfully
(D) Determining the Age of French Caves

13. In line 3, the words pays heed to are closest in meaning to _____

(A) discovers
(B) watches
(C) notices
(D) buys

14. Based on the passage, what is probably true about the south of France?

(A) It is home to rare animals.
(B) It has a large number of caves.
(C) It is known for horse-racing events.
(D) It has attracted many famous artists.

15. In line 8, the word depict is closest in meaning to _____.

(A) show
(B) hunt
(C) count
(D) draw

16. According to the passage, which animals appear most often on the cave walls?

(A) Birds
(B) Bison
(C) Horses
(D) Wild cats
17. In line 12, the word They refers to _____

(A) walls
(B) artists
(C) animals
(D) materials

18. Why was painting inside the Lascaux complex a difficult task?

(A) It was completely dark inside.
(B) The caves were full of wild animals.
(C) Painting materials were hard to find.
(D) Many painting spaces were difficult to reach.

19. According to the passage, all of the following have caused damage to the paintings EXCEPT _____

(A) temperature changes
(B) air movement
(C) water
(D) light

20. What does the passage say happened at the Lascaux caves in 1963?

(A) Visitors were prohibited from entering.
(B) A new lighting system was installed.
(C) Another part was discovered.
(D) A new entrance was created.

Đáp án phần Đọc hiểu			
1. A	6. B	11. B	16. C
2. C	7. A	12. B	17. B
3. B	8. A	13. C	18. D
4. B	9. B	14. B	19. D
5. D	10. D	15. A	20. A

Phiếu điểm

Phiếu điểm *TOEFL Junior* cung cấp những thông tin sau:

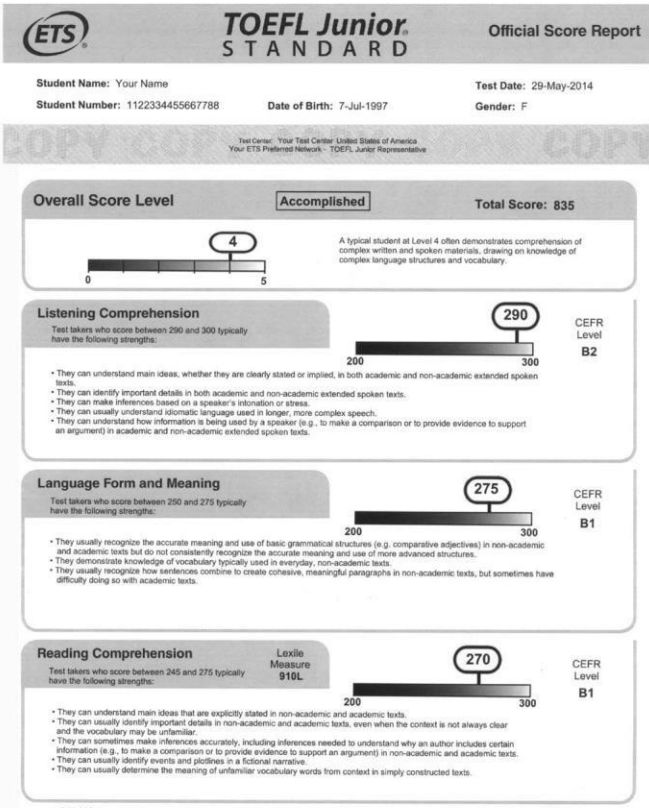
- Mức điểm tổng quát, đi kèm mô tả năng lực tổng quát của thí sinh
- Tổng số điểm của từng phần thi Nghe hiểu, Từ vựng và Ngữ pháp, Đọc hiểu
- Mô tả năng lực tiếng Anh điển hình cho mức điểm mà thí sinh đạt được, giúp thí sinh xác định điểm mạnh và điểm cần cải thiện
- Trình độ theo Khung Tham chiếu Chung Châu Âu (CEFR) được quy đổi từ điểm của mỗi phần
- Điểm Lexile giúp thí sinh tìm được tài liệu đọc phù hợp với trình độ đọc tiếng Anh của mình

Điểm số được chấp nhận

ETS không đưa ra mức điểm Đủ/Trượt cố định cho bài thi *TOEFL Junior*. Mỗi trường tự đưa ra yêu cầu về điểm số cho học sinh của mình khi xét tuyển.

Diễn giải điểm số

Điểm số của bài thi *TOEFL Junior* được xác định bởi số lượng các câu hỏi mà thí sinh trả lời đúng. Một số câu hỏi trong bài thi có thể không được tính vào điểm của phần thi đó hoặc tổng điểm. Đối với những câu hỏi được tính điểm, mỗi câu trả lời đúng được tính điểm ngang nhau. Số lượng các câu trả lời đúng của mỗi phần được quy đổi sang điểm số nằm trong dải điểm từ 200 đến 300, với khoảng cách giữa hai điểm số liên tiếp là 5 đơn vị. Tổng số điểm của ba phần dao động từ 600 – 900 và khoảng cách giữa hai điểm số liên tiếp cũng là 5 đơn vị.



Phần thi	Khoảng điểm
Nghe hiểu	200–300
Ngữ pháp và Từ vựng	200–300
Đọc hiểu	200–300
Tổng điểm	600–900

Điểm và phiếu điểm (tiếp)

Mức điểm tổng quát

Bảng dưới đây cho thấy các mức điểm tổng quát, tổng số điểm, mô tả năng lực tổng quát và trình độ CEFR tương ứng của bài thi *TOEFL Junior*. Phần Mô tả năng lực tổng quát phản ánh năng lực yêu cầu đối với học sinh trung học cơ sở tại các trường giảng dạy bằng tiếng Anh và được sử dụng để xác định trình độ của học sinh theo khung CEFR.

Mức điểm tổng quát	Tổng điểm	Mô tả năng lực tổng quát bài thi <i>TOEFL Junior</i>	Trình độ theo CEFR
		Các mô tả dưới đây thể hiện năng lực của học sinh tại các trường học sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy. Học sinh đạt được mức điểm này có thể:	Học sinh đạt mức điểm này có trình độ tương ứng theo khung CEFR là:
5 Mức độ vượt trội	865–900	Luôn thể hiện được khả năng hiểu các tài liệu nói và viết phức tạp, dựa trên kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng phức tạp	Đạt B2 ở tất cả các phần
4 Mức độ hoàn thiện	785–860	Thường xuyên thể hiện được khả năng hiểu các tài liệu nói và viết phức tạp, dựa trên kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng phức tạp	Đạt B1 ở tất cả các phần
3 Mức độ mở rộng	730–780	Thể hiện được khả năng hiểu một số tài liệu nói và viết phức tạp và hầu hết các tài liệu cơ bản, dựa trên kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng cơ bản	Đa số trường hợp đạt B1 ở tất cả các phần, tuy nhiên đôi khi có phần đạt A2
2 Mức độ phát triển ngôn ngữ	625–725	Đôi khi thể hiện được khả năng hiểu các tài liệu nói và viết cơ bản, dựa trên kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng cơ bản	Đa số trường hợp đạt A2 ở tất cả các phần, tuy nhiên đôi khi đạt A1 ở phần Nghe và Đọc
1 Mức độ nắm bắt ngôn ngữ	600–620	Có thể hiểu một số đoạn nói và viết rất cơ bản, dựa trên kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng cơ bản, nhưng cần phát triển thêm kỹ năng ngôn ngữ và khả năng nghe/đọc hiểu	Đa số trường hợp đạt A1 ở phần Nghe hiểu và Đọc hiểu; đa số trường hợp đạt A2 ở phần Ngữ pháp và Từ vựng

Khung Tham chiếu Chung Châu Âu

Điểm từng phần của thí sinh sẽ được quy đổi sang Khung tham chiếu chung Châu Âu(CEFR) để giúp thí sinh hiểu ý nghĩa của điểm số đạt được. Điểm bài thi *TOEFL Junior* cho phép thí sinh xác định trình độ của mình trên một quy chuẩn mang tính toàn cầu.

Phần	Dưới A2	CEFR A2	CEFR B1	CEFR B2
Nghe hiểu	Dưới 210	210–240	245–285	290–300
Ngữ pháp và từ vựng	Dưới 210	210–245	250–275	280–300
Đọc hiểu	Dưới 210	210–240	245–285	290–300

Điểm và phiếu điểm (tiếp)

Điểm Lexile

Kỹ năng đọc tiếng Anh là một kỹ năng vô cùng quan trọng nhưng lại yêu cầu khá nhiều thời gian luyện tập để có thể tiến bộ. Bài thi TOEFL Junior cung cấp điểm số Lexile trong phiếu điểm nhằm giúp học sinh, phụ huynh hay giáo viên tìm được học liệu phù hợp với trình độ của con em mình. Công cụ Lexile là tiêu chuẩn để ghép người đọc với những tài liệu đọc phù hợp. Hàng triệu người học tiếng Anh và giáo viên tiếng Anh đã sử dụng công cụ này để nâng cao trình độ tiếng Anh và theo dõi sự tiến bộ theo thời gian. Với công cụ Lexile, người học ở mọi lứa tuổi và trình độ có thể tìm được những tài liệu đọc phù hợp nhất để cải thiện kỹ năng đọc của mình. Đây là một tiện ích dễ sử dụng và miễn phí. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập địa chỉ: www.lexile.com/toefljunior.

Mô tả năng lực của thí sinh thông qua điểm số

NGHE HIỂU

Thí sinh có điểm số từ 290 đến 300 có thể có các thể mạnh sau:

- Có thể hiểu được những ý chính, cho dù là ý được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý trong đoạn nói dài về chủ đề học thuật và phi học thuật.
- Có thể xác định được những chi tiết quan trọng trong đoạn nói dài về chủ đề học thuật và phi học thuật.
- Có thể đưa ra suy luận dựa vào trọng âm hay ngữ điệu của người nói.
- Có thể thường xuyên hiểu được các thành ngữ sử dụng trong đoạn nói dài và phức tạp hơn.
- Có thể nắm được cách thức sử dụng thông tin của người nói (ví dụ: đưa ra so sánh hoặc cung cấp một căn cứ để hỗ trợ cho một ý kiến tranh luận) trong một đoạn nói dài về chủ đề học thuật và phi học thuật.

Thí sinh có điểm số từ 245 đến 285 có thể có các thể mạnh sau:

- Có thể hiểu được những ý chính được thể hiện rõ ràng trong các đoạn nói dài về chủ đề học thuật và phi học thuật, có ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Có thể xác định được các chi tiết quan trọng trong các đoạn nói dài về chủ đề học thuật và phi học thuật, có ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Có thể đưa ra suy luận trong đoạn nói ngắn có ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Có thể hiểu được một số thành ngữ thông thường, được sử dụng trong đoạn nói có độ phức tạp vừa phải.
- Có thể nắm được cách thức sử dụng thông tin của người nói (ví dụ: đưa ra so sánh hoặc cung cấp một căn cứ để hỗ trợ cho một ý kiến tranh luận) trong một ngữ cảnh quen thuộc.

Thí sinh có điểm số từ 210 đến 240 có thể có các thể mạnh sau

- Có thể hiểu được ý chính của một thông báo ngắn gọn trong lớp học nếu ý chính đó được thể hiện rõ ràng.
- Có thể hiểu được những chi tiết quan trọng nếu được thể hiện rõ ràng và nhấn mạnh trong cuộc trò chuyện hoặc hội thoại ngắn.
- Có thể hiểu được lời diễn giải thông tin trực tiếp với ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Có thể hiểu mục đích của người nói trong những đoạn nói ngắn có ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.

Thí sinh có điểm số dưới 210 có khả năng cải thiện và cần phát triển những kĩ năng sau:

- Hiểu được ý chính và những chi tiết quan trọng của thông báo, cuộc trò chuyện ngắn và hội thoại đơn giản.
- Nắm được mục đích của người nói trong các cuộc trò chuyện ngắn với ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Diễn giải được thông tin với ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.

NGŨ PHÁP VÀ TỪ VỰNG

Thí sinh có điểm số từ 280 đến 300 có thể có các thế mạnh sau:

- Thường xuyên nhận biết được ý nghĩa và cách dùng chính xác của các cấu trúc ngữ pháp nâng cao (ví dụ: mệnh đề quan hệ) trong văn bản học thuật và phi học thuật.
- Có vốn từ vựng rộng, bao gồm cả những từ vựng cơ bản về chủ đề học thuật
- Thường xuyên nhận biết được cách kết hợp câu để tạo thành đoạn văn có nghĩa và có tính liên kết trong văn bản học thuật và phi học thuật.

Thí sinh có điểm số từ 250 đến 275 có thể có các thế mạnh sau:

- Thường xuyên nhận biết được ý nghĩa và cách dùng chính xác của các cấu trúc ngữ pháp cơ bản (ví dụ: tính từ so sánh) trong văn bản học thuật và phi học thuật, nhưng không thường xuyên nhận biết được ý nghĩa và cách dùng của các cấu trúc ngữ pháp nâng cao.
- Có vốn từ vựng tốt, gồm những từ ngữ sử dụng trong các văn bản phi học thuật, thông dụng sử dụng hàng ngày.
- Thường nhận biết được cách kết hợp câu để tạo thành đoạn văn có nghĩa và có tính liên kết trong văn bản phi học thuật, nhưng đôi khi gặp khó khăn với văn bản học thuật.

Thí sinh có điểm số từ 210 đến 245 có thể có các thế mạnh sau:

- Đôi khi nhận biết ý nghĩa và cách dùng chính xác các cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất (ví dụ: thì động từ quá khứ đơn hoặc hiện tại đơn) trong văn bản chủ đề phi học thuật.
- Có vốn từ vựng phổ thông, chủ đề phi học thuật.
- Đôi khi nhận biết được cách kết hợp câu để tạo thành đoạn văn có nghĩa và có tính liên kết trong văn bản phi học thuật, nhưng thường xuyên gặp khó khăn đối với văn bản học thuật.

Thí sinh có điểm số dưới 210 điểm có khả năng thể hiện và cần phát triển những kỹ năng sau:

- Mở rộng vốn từ vựng phổ thông.
- Tăng cường kiến thức và kỹ năng sử dụng các cấu trúc ngữ pháp cơ bản (ví dụ: sự hòa hợp chủ vị và giới từ đơn giản).
- Hiểu được cách kết hợp câu để tạo thành đoạn văn có nghĩa và có tính liên kết.

ĐỌC HIỂU

Thí sinh có điểm số từ 290 đến 300 có các thế mạnh sau:

- Có thể hiểu được ý chính trong văn bản học thuật và phi học thuật ngay cả khi ý chính không được thể hiện rõ ràng.
- Có thể hiểu được chính xác các chi tiết quan trọng trong văn bản học thuật và phi học thuật, gồm cả văn bản có độ phức tạp cao về ngôn ngữ.
- Có thể đưa ra suy luận hiệu quả khi đọc, gồm cả những suy luận cần thiết để hiểu được mục đích của tác giả khi đưa vào văn bản một thông tin cụ thể nào đó (ví dụ: so sánh hoặc đưa ra căn cứ để hỗ trợ một ý kiến tranh luận) trong văn bản học thuật và phi học thuật.
- Thường xuyên suy luận được thái độ hay quan điểm của nhân vật trong một câu chuyện hư cấu. Thường xuyên hiểu được ngôn ngữ hình tượng và có thể đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh, thậm chí trong cả văn bản học thuật có sử dụng ngôn ngữ phức tạp.

Thí sinh có điểm số từ 245 đến 285 có các thế mạnh sau:

- Có thể hiểu ý chính được thể hiện rõ ràng trong văn bản học thuật và phi học thuật.
- Thường xuyên xác định được các chi tiết quan trọng trong văn bản học thuật và phi học thuật ngay cả khi ngữ cảnh có lúc không rõ ràng và từ vựng sử dụng trong văn bản không quen thuộc.
- Đôi khi có thể đưa ra suy luận chính xác, gồm cả những suy luận cần thiết để hiểu được mục đích của tác giả khi đưa vào văn bản một thông tin cụ thể nào đó (ví dụ: so sánh hoặc đưa ra căn cứ để hỗ trợ một ý kiến tranh luận) trong văn bản học thuật và phi học thuật.
- Thường xuyên xác định được các sự kiện hoặc cốt truyện trong một câu chuyện hư cấu.
- Thường xuyên đoán được nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh cụ thể của văn bản đơn giản.

Thí sinh có điểm số từ 210 đến 240 có các thế mạnh sau:

- Đôi khi có thể xác định các ý chính được thể hiện rõ ràng trong văn bản phi học thuật.
- Đôi khi có thể xác định các chi tiết cơ bản trong văn bản học thuật và phi học thuật với ngôn ngữ đơn giản và ngữ cảnh rõ ràng.
- Thường xác định được vị trí của các thông tin cơ bản trong văn bản phi tuyến tính như lịch biểu, thực đơn sử dụng từ vựng thông dụng sử dụng hàng ngày, phi học thuật.
- Đôi khi có thể đưa ra những suy luận đơn giản trong các văn bản phi học thuật đơn giản.
- Đôi khi có thể đoán được nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh trong các văn bản phi học thuật đơn giản.

Thí sinh có điểm số dưới 210 có khả năng thể hiện và cần phát triển những kỹ năng sau:

- Xác định được các ý chính và chi tiết quan trọng trong văn bản có ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng.
- Đưa ra được những suy luận dựa trên văn bản với ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng.
- Xác định được vị trí của các thông tin cơ bản trong văn bản phi tuyến tính như lịch biểu, thực đơn, v.v.
- Đoán được nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh.

Thông báo kết quả thi

Nếu học sinh dự thi theo trường thì kết quả thi sẽ chỉ gửi về cho trường. Thí sinh sẽ nhận kết quả và phiếu điểm tại trường.

Nếu học sinh dự thi tại IIG Việt Nam, thí sinh sẽ nhận phiếu điểm tại IIG Việt Nam. IIG Việt Nam sẽ không thông báo kết quả thi TOEFL Junior cho bất kỳ đơn vị nào khác.

Điểm số bài thi TOEFL Junior là thông tin đo lường và việc công bố điểm thi phải tuân theo tất cả các quy định được chỉ ra trong tài liệu hướng dẫn này. Mặc dù vậy, điểm số không phải là tài sản của thí sinh.

Tính công bằng của bài thi và ứng dụng điểm số

Chương trình TOEFL Junior (ETS) và IIG Việt Nam thực hiện một quy trình nghiêm ngặt, trong phạm vi có thể, nhằm đảm bảo tối đa tính công bằng của bài thi cũng như điểm số của bài thi đối với tất cả thí sinh, không phân biệt giới tính, độ tuổi, quốc tịch và ngành nghề.

Thời gian lưu giữ kết quả thi

Điểm số được sử dụng để đánh giá trình độ tiếng Anh của thí sinh tại thời điểm thi. Vì các kỹ năng tiếng Anh có thể tiến bộ hoặc giảm sút theo thời gian. Phiếu điểm có giá trị trong vòng 2 năm vì vậy IIG Việt Nam sẽ không cấp lại phiếu điểm cho thí sinh sau hai năm kể từ ngày thi.

Cách tính điểm bài thi

Điểm số bài thi TOEFL Junior bao gồm điểm thành phần ba phần thi và một điểm tổng. Điểm trong phiếu điểm không phải là số lượng, cũng không phải là tỷ lệ phần trăm câu hỏi được trả lời chính xác.

Những trường hợp bất thường

Những “trường hợp bất thường” liên quan đến công tác tổ chức thi có thể kể đến như trang thiết bị không hoạt động, truy cập trái phép nội dung đề thi bởi cá nhân hoặc một nhóm thí sinh, và các gián đoạn khác (thiên tai hoặc các trường hợp khẩn cấp khác). Khi những trường hợp bất thường trên xảy ra, IIG Việt Nam sẽ tạo điều kiện cho những thí sinh bị ảnh hưởng làm lại bài thi trong thời gian sớm nhất có thể và không mất lệ phí thi.

Tính hiệu lực của kết quả thi

Chúng tôi luôn nỗ lực để đảm bảo rằng bài thi TOEFL Junior là công cụ đánh giá hiệu quả khả năng giao tiếp tiếng Anh của thiếu niên.

Bài thi được thiết kế dựa trên những thông tin về các chức năng ngôn ngữ mà học sinh trung học cơ sở thường gặp và sử dụng.

Các thông tin này được thu thập từ nhiều nguồn, bao gồm:

- Tiêu chuẩn/chương trình giảng dạy và sách giáo khoa tiếng Anh từ các quốc gia nơi mà tiếng Anh được giảng dạy như là một ngoại ngữ (ví dụ như Brazil, Trung Quốc, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, và Việt Nam)
- Tiêu chuẩn về trình độ tiếng Anh đối với người học tiếng Anh trong các trường trung học cơ sở ở Mỹ (ví dụ như tiêu chuẩn bang California, Colorado, Florida, New York, và Texas và tiêu chuẩn WIDA)
- Thông tin cung cấp bởi các giáo viên giảng dạy tiếng Anh kinh nghiệm
- Các tài liệu học thuật về ngôn ngữ sử dụng trong ngữ cảnh học thuật

Phân tích kỹ lưỡng trên những dữ liệu thu thập được đã chỉ ra rằng có 3 mục tiêu ngôn ngữ quan trọng để làm tiêu chí đánh giá trình độ tiếng Anh cho một trường trung học sử dụng ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Anh.

Ba mục tiêu ngôn ngữ đó là:

Giao tiếp thông thường – Bao gồm việc sử dụng ngôn ngữ để tạo lập và duy trì các mối quan hệ cá nhân. Ví dụ, học sinh cần hiểu được bạn mình nói gì trong một cuộc hội thoại thông thường hoặc có khả năng đọc hiểu một email cá nhân từ một người bạn hoặc từ giáo viên.

Hướng dẫn – Chỉ các nhiệm vụ ngôn ngữ và học sinh cần thực hiện trong quá trình giao tiếp với bạn học, giáo viên và các cán bộ trường học khác liên quan đến tài liệu khóa học, tài liệu về trường. Ví dụ, học sinh cần hiểu được hướng dẫn hoàn thành bài tập về nhà từ giáo viên và có khả năng lọc ra những thông tin chính trong các thông báo của nhà trường.

Học thuật – Bao gồm các hoạt động ngôn ngữ được thực hiện trong khi học các nội dung học thuật bằng tiếng Anh. Ví dụ như học sinh cần hiểu và nắm bắt được nội dung trong những bài giảng và bài viết mang tính học thuật.

Các câu hỏi trong phần Nghe hiểu và Đọc hiểu của bài thi TOEFL Junior được thiết kế nhằm đánh giá khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của thí sinh trong việc thực hiện các mục tiêu ngôn ngữ trên. Ngoài ra, các câu hỏi trong phần Ngữ pháp và từ vựng đánh giá các kiến thức ngữ pháp và từ vựng đóng vai trò làm nền tảng hình thành các kỹ năng giao tiếp.

Hướng dẫn sử dụng kết quả bài thi TOEFL Junior

Hướng dẫn

Sử dụng nhiều tiêu chí đánh giá: Kết quả đánh giá một cá nhân cần phải dựa trên nhiều nguồn thông tin tham khảo nhằm đảm bảo tính công bằng và để cân bằng những hạn chế của những phương pháp chỉ đánh giá được một khía cạnh của trình độ kiến thức, kỹ năng và năng lực cá nhân. Những nguồn thông tin này có thể bao gồm số giờ học tiếng Anh trên lớp, điểm số tại trường, nhận xét của giáo viên. Khi được kết hợp với các tiêu chí đánh giá khác, điểm TOEFL Junior có thể là một công cụ hiệu quả phục vụ cho việc xếp lớp theo trình độ học sinh đối với các lớp học tiếng Anh, theo dõi tiến bộ của học sinh, nhận xét về năng lực học tập trên lớp của học sinh, và các quyết định khác của nhà trường.

Ứng dụng

Dựa trên thiết kế bài thi và kết quả nghiên cứu của ETS, kết quả bài thi TOEFL Junior được khuyến nghị sử dụng cho những mục đích sau:

- Xác định xem học sinh có đủ trình độ để theo học những lớp học sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy không.
- Xếp học sinh vào những chương trình đào tạo tiếng Anh có trình độ phù hợp.
- Theo dõi sự tiến bộ của học sinh theo thời gian để đánh giá kết quả học tập và những tiến bộ trong trình độ của học sinh hàng năm.
- Sử dụng nhận xét về năng lực học tập của học sinh, để điều chỉnh những học liệu và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh trên thế giới.
- Đánh giá học sinh đạt chuẩn quốc gia.
Nộp hồ sơ vào các trường THCS tại các nước nói Tiếng Anh.

Phản hồi

Trong quá trình làm bài thi, thí sinh có thể đóng góp ý kiến phản hồi của mình với cán bộ tổ chức thi.

Nếu thí sinh có bất kỳ câu hỏi hoặc ý kiến về bài thi TOEFL Junior, vui lòng liên hệ IIG Việt Nam.

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà IIG, 75 Giang Văn Minh,
P. Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 1900 636 929
Email: info@iigvietnam.edu.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

161 Núi Thành, P. Hòa Cường, TP.
Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 1900 636 929
Email: info@iigvietnam.edu.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 1, Tháp 1, Tòa nhà Sun Avenue, Số 28 Mai Chí Thọ,
P. Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Điện thoại: 1900 636 929
Email: info@iigvietnam.edu.vn



S T A N D A R D

Để biết thêm thông tin về bài thi
TOEFL Junior,
vui lòng truy cập www.ets.org/toefl_junior.



Copyright © 2014 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logo, LISTENING. LEARNING. LEADING., TOEFL, TOEFL iBT, and *TOEFL Junior* are registered trademarks of Educational Testing Service (ETS) in the United States and other countries. 20191

778482



Measuring the Power of Learning.®

www.ets.org